

Bản án số 23/2018/HNGĐ-PT
Ngày 24 - 9 - 2018
“V/v Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Đức Thi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 24/2017/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Bà C có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Ông H có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 49, Tổ 2, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 393, Tổ 13, ấp , xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Ông H, bà H, bà H, bà H, bà H và bà H đều vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đặng Thị C và bị đơn ông Nguyễn Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo Đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ngày 15 tháng 11 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà C trình bày:

Bà và ông H kết hôn vào năm 1992, quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm, không phù hợp nhau nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình và ông bà đã ly hôn theo Quyết định công nhận số 91/2015/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Theo quyết định về phân tài sản của bà C và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, kể từ sau khi ly hôn, các bên không thực hiện theo văn bản tự thỏa thuận về chia tài sản nên bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn.

Bà C xác nhận tài sản chung của bà và ông H gồm có:

- Quyền sử dụng 300 m² đất ở theo Giấy chứng nhận số L 101248 mang tên gia đình bà Đặng Thị C có trị giá 300.000.000 đồng ở địa chỉ Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường xóm; phía Tây, Nam, Bắc đều giáp đất nhận khoán với Nông trường Đ của gia đình ông Nguyễn Đình H.

- Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà bằng 03 gian, 02 gian nhà bếp cấp bốn, có nhà vệ sinh, nhà tắm, khu chăn nuôi, sân, công, tường rào, mái tôn, giếng có trị giá 150.000.000 đồng.

Tổng trị giá đất và tài sản gắn liền với đất là 450.000.000 đồng.

Nay, bà có nguyện vọng xin nhận lại toàn bộ đất và tài sản trên đất, đồng thời, có trách nhiệm giao số tiền chênh lệch trị giá tài sản cao hơn Hội đồng định giá cho ông H là 250.000.000 đồng. Nếu ông H không đồng ý thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đình H thừa nhận trước đây ông và bà C có quan hệ vợ chồng nhưng hiện tại đã ly hôn theo quyết định của Tòa án. Theo quyết định, ông và bà C tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, bà C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, ông có ý kiến như sau:

Về tài sản, ông H cũng thừa nhận toàn bộ tài sản như bà C trình bày nhưng ông cho rằng về nguồn gốc đất là di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại và những người thừa kế là anh em của ông H đồng ý giao cho ông quản lý và sở hữu để làm nơi thờ cúng cha mẹ và đi về của con cháu. Về tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp bốn có 03 gian mái bằng, công trình phụ, khu chăn nuôi. Nguồn gốc nhà phần lớn do bố mẹ ông chuẩn bị toàn bộ vật liệu, ông và bà C chỉ có công thi công xây dựng. Do vậy, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phần nào thuộc di sản thừa kế của bố mẹ để lại, phần nào thuộc tài sản chung của ông và bà C để phân chia, ông không đồng ý nhận số tiền chênh lệch trị giá tài sản như bà C yêu cầu vì ông cũng có nhu cầu về chỗ ở.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị H có ông H làm đại diện trình bày: Nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất mà bà C yêu cầu chia là di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Nay, bố mẹ đều đã chết và không để lại di chúc, do đó, cho rằng đây là di sản thừa kế chưa chia. Việc Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà C là không đúng nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đặng Thị C.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà C, anh H không thống nhất được việc phân chia tài sản nên ngày 21 tháng 02 năm 2017, bà C có đơn đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và Hội đồng tiến hành định giá tài sản. Tuy nhiên, theo Biên bản định giá lần thứ

nhất của Hội đồng định giá, bà C cho rằng chưa đúng với trị giá thực tế, do đó, bà C tiếp tục có đơn đề nghị yêu cầu định giá lại tài sản lần thứ hai.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Hội đồng định giá tiến hành định giá lần thứ hai. Theo Biên bản định giá tài sản lần thứ hai kết luận:

- Về đất: Diện tích 300 m² đất ở, có chiều rộng 20 mét, chiều dài 15 mét; Có tứ cận phía Đông giáp đường xóm; Phía Tây, Nam, Bắc giáp đất nhận khoán với Nông trường Đ của gia đình ông H ở địa chỉ Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An có giá 100.000 đồng/m². Diện tích 300 m² x 100.000 đồng = 30.000.000 đồng.

- Về tài sản trên đất có trị giá 157.541.000 đồng.

Tổng trị giá toàn bộ tài sản gồm đất và tài sản gắn liền với đất là 187.541.000 đồng và hiện nay các đương sự vẫn đang quản lý, sử dụng chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C, ông H không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, các đương sự trong vụ án không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ. Bà C giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Với nội dung trên, Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, khoản 2 Điều 147, 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 59, 62, 63 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện chia tài sản sau ly hôn của bà Đặng Thị C.

Giao cho bà Đặng Thị C được quyền sử dụng và sở hữu gồm:

- Được quyền sử dụng 131,25 m² đất ở có chiều rộng 8,75 mét; chiều dài 15 mét và tứ cận phía Đông giáp đường xóm; phía Nam giáp đất ông H; phía Tây, Bắc giáp đất nhận khoán của ông Nguyễn Đình H ở Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An trị giá 13.125.000 đồng.

- Tài sản trên đất gồm:

+ Khu chăn nuôi, nhà kho phía sau có trị giá 14.473.000 đồng;

+ Một nhà vệ sinh có trị giá 2.470.000 đồng;

+ Sân sau nhà có trị giá 489.000 đồng;

+ Mái tôn sau nhà có trị giá 3.359.000 đồng.

Trị giá tài sản trên đất là 20.791.000 đồng.

Tổng giá trị bà C được hưởng cả đất và tài sản gắn liền với đất là 33.916.000 đồng. Được nhận số tiền chênh lệch trị giá tài sản từ ông Nguyễn Đình H là 59.854.500 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Đình H được quyền sử dụng và sở hữu gồm:

- Được quyền sử dụng 168,75 m² đất ở có chiều rộng 11,25 mét; chiều dài 15 mét và tứ cận phía Đông giáp đường xóm; phía Tây, Nam giáp đất nhận khoán; phía Bắc giáp khu chăn nuôi (nay thuộc đất của bà C) ở Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An trị giá 16.875.000 đồng.

- Tài sản trên đất gồm:

+ Một ngôi nhà mái bằng 03 gian, 01 gian lòi có diện tích 69 m² xây dựng năm 1999, cửa chính làm bằng gỗ lim, gian lòi có 01 cửa chớp bằng kính, 01 cửa sổ làm bằng gỗ lim, tường xây, nền lát gạch hoa liên doanh trị giá 76.134.000 đồng;

+ Hai gian bếp có diện tích 27,29 m² trị giá 27.374.000 đồng;

+ Sân bếp có diện tích 8,38 m² có trị giá 195.000 đồng;

+ Mái bờ rô xi măng trên bếp, có diện tích 8,38 m² có trị giá 784.000 đồng;

+ Một nhà tắm phía trước nhà có diện tích 5,2 m² ốp gạch men, bên trong có 01 chậu rửa bằng sứ và 01 bình nóng lạnh hiệu Rosi có trị giá 8.503.000 đồng;

+ Sân trước nhà chính, nền láng xi măng, diện tích 64,48 m² có trị giá 1.499.000 đồng;

+ Sân cổng, nền láng xi măng có diện tích 18,8 m² có trị giá 437.000 đồng;

+ Hai trụ cổng xây bằng gạch táp lô, không trát có trị giá 221.000 đồng;

+ Sân giếng, nền láng xi măng, diện tích 9,1 m² có trị giá 211.000 đồng;

+ Giếng khoan nước sinh hoạt sâu 6 mét có trị giá 7.296.000 đồng;

+ Mái tôn giếng, diện tích 9,1 m² có trị giá 1.451.000 đồng;

+ Mái tôn phía trước nhà chính, diện tích 64,48 m² có trị giá 10.285.000 đồng;

+ Sân phía Tây, diện tích 8,1 m² có trị giá 188.000 đồng;

+ Mái tôn phía Tây, diện tích 8,1 m² có trị giá 1.292.000 đồng;

+ Tường bao quanh nằm phía Đông có trị giá 880.000 đồng.

Tài sản trên đất có trị giá là 136.750.000 đồng.

Tổng trị giá ông H được hưởng cả đất và tài sản gắn liền với đất là 153.625.000 đồng.

Buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị C số tiền chênh lệch trị giá tài sản đối với đất, tài sản gắn liền với đất là 59.854.500 đồng.

Bà Đặng Thị C và ông Nguyễn Đình H có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị C được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng để tìm nơi ở khác kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 8 năm 2017, nguyên đơn bà Đặng Thị C kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và giải quyết những vấn đề sau:

- Không đồng ý với giá của Hội đồng định giá;
- Bà có nguyện vọng nhận nhà để ở.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Đình H kháng cáo Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và giải quyết những vấn đề sau:

- Xem xét xác định lại phần tài sản chung;
- Không đồng ý với việc định giá nhà ở và giếng nước;
- Làm rõ phần tài sản 28.000.000 đồng gửi Ngân hàng đứng tên bà C và 25 chỉ vàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị C và ông Nguyễn Đình H có thỏa thuận: Ông Nguyễn Đình H đồng ý giao cho bà Đặng Thị C số tiền 200.000.000 đồng, ông H được quyền sử dụng 300 m² đất ở tại thửa đất số 142, tờ bản đồ số 29 ở Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 101248 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An cấp ngày 01 tháng 8 năm 1997 và hưởng toàn bộ tài sản trên đất bản án sơ thẩm đã chi. Hai bên đã giao nhận tiền đầy đủ và không yêu cầu thi hành án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ

tục phiên tòa. Các bên đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn bà Đặng Thị C và bị đơn ông Nguyễn Đình H kháng cáo trong hạn luật định, có nộp dự phí kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung vụ án: Bà Đặng Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn là quyền sử dụng đất có diện tích 300 m² tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất. Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An đã giao cho bà Đặng Thị C được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản trên đất trên diện tích đất 131,25 m² và giao cho ông Nguyễn Đình H được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản trên đất trên diện tích đất 168,75 m². Sau khi xét xử sơ thẩm, bà C và ông H đều kháng cáo không đồng ý với cách phân chia tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà C và ông H có thỏa thuận: Ông H được quyền sử dụng thửa đất, hưởng toàn bộ tài sản trên đất mà bản án sơ thẩm đã chia cho các bên và ông H sẽ trích giao cho bà C số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên đã tiến hành giao nhận đầy đủ số tiền 200.000.000 đồng, có biên bản giao nhận và cung cấp cho Tòa án nên thống nhất không yêu cầu thi hành án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên cần chấp nhận để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của các bên và Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị C và bị đơn ông Nguyễn Đình H nên phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

- Ông Nguyễn Đình H giao cho bà Đặng Thị C 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Hai bên đã tiến hành giao nhận tiền đầy đủ và không yêu cầu thi hành án.

- Ông H được quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 29, diện tích 300 m² đất tại Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An đã được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 101248 ngày 01 tháng 8 năm 1997 và sở hữu các tài sản trên đất, bao gồm: Một ngôi nhà mái bằng 03 gian, 01 gian lồi có diện tích 69 m² xây dựng năm 1999, cửa chính làm bằng gỗ lim, gian lồi có 01 cửa chớp bằng kính, 01 cửa sổ làm bằng gỗ lim, tường xây, nền lát gạch hoa liên doanh; Hai gian bếp có diện tích 27,29 m²; Sân bếp có diện tích 8,38 m²; Mái bờ rô xi măng trên bếp, có diện tích 8,38 m²; Một nhà tắm phía trước nhà có diện tích 5,2 m² ốp gạch men, bên trong có 01 chậu rửa bằng sứ và 01 bình nóng lạnh hiệu Rosi; Sân trước nhà chính, nền láng xi măng, diện tích 64,48 m²; Sân cổng, nền láng xi măng có diện tích 18,8 m²; Hai trụ cổng xây bằng gạch táp lô, không trát; Sân giếng, nền láng xi măng, diện tích 9,1 m²; Giếng khoan nước sinh hoạt sâu 6 mét; Mái tôn giếng, diện tích 9,1 m²; Mái tôn phía trước nhà chính, diện tích 64,48 m²; Sân phía Tây, diện tích 8,1 m²; Mái tôn phía Tây, diện tích 8,1 m² có trị giá 1.292.000 đồng; Tường bao quanh nằm phía Đông; Khu chăn nuôi, nhà kho phía sau nhà; Một nhà vệ sinh; Sân sau nhà và mái tôn sau nhà.

Ông H có trách nhiệm, nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm:

+ Buộc bà Đặng Thị C phải chịu 4.688.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007413 ngày 15 tháng 11 năm 2016. Trả lại cho bà Đặng Thị C số tiền còn lại.

+ Buộc ông Nguyễn Đình H phải chịu 4.688.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Buộc bà Đặng Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006276 ngày 14 tháng 8 năm 2017.

+ Buộc ông Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006281 ngày 15 tháng 8 năm 2017.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục thị xã Thái Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang